

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 01 - 2023

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình – Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Thúy Ngoan.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thơi
2. Bà Lê Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Tiên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2022/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Tuyết N, sinh năm: 2002 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Long Thạnh, xã Long Phú, thị xã LM, tỉnh HG.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn T, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Vĩnh Thuận Đông, huyện LM, tỉnh HG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đoàn Thị Tuyết N (gọi tắt là chị N) trình chi:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Trịnh Văn T (gọi tắt là anh T) tự nguyện kết hôn với nhau năm 2018 và đến năm 2020 đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy

ban nhân dân xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, do không thể sống chung với nhau nên anh chị đã ly thân nhau từ tháng 3/2022 đến nay. Do đó, nay chị Ngân yêu cầu được ly hôn với anh Tạo.

Về con chung: Chị N khai vợ chồng chị có 01 con chung tên Trịnh Minh T (giới tính: nam) sinh năm 2018 hiện tại cháu T đang sống cùng anh T và đang đi học tại trường mẫu giáo xã Vĩnh Thuận Đông, khi ly hôn chị N không yêu cầu nuôi con vì muốn để con chung có cuộc sống ổn định, chị N đồng ý để cháu T tiếp tục sống chung với anh T.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N khai không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trịnh Văn T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Tuyết N và Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Tạo để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn anh Trịnh Văn T.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Đoàn Thị Tuyết N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trịnh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn chị Đoàn Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Trịnh Văn T. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn”. Bị đơn anh Trịnh Văn Tạo có địa chỉ cư trú tại ấp 1, xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trịnh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị Đoàn Thị Tuyết N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với tất cả các đương sự trong vụ án nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị N, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Năm 2018 chị N và anh T có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T, điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nên anh chị không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T.

[2.2]. Về con chung: Xét yêu cầu giao con chung của chị Đoàn Thị Tuyết N cho anh Trịnh Văn T tiếp tục nuôi dưỡng, hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi sinh ra thì cháu T sống chung với vợ chồng anh chị nhưng từ khi anh chị không còn sống chung với nhau thì cháu T sống với anh T. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống cho cháu T, hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trịnh Minh T (giới tính: nam) sinh ngày 17/5/2018 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Đoàn Thị Tuyết N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung kham ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng: Do anh T chưa yêu cầu nên hội đồng xét xử chưa xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Ngân phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Đoàn Thị Tuyết N đối với bị đơn anh Trịnh Văn T. Cho chị Đoàn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Trịnh Văn T.

2. Về con chung: Bị đơn anh Trịnh Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trịnh Minh T (giới tính: nam) sinh ngày 17/5/2018, hiện nay cháu Minh T đang sống chung với anh T. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Đoàn Thị Tuyết N không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Anh Trịnh Văn T chưa yêu cầu chị Đoàn Thị Tuyết N cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Đoàn Thị Tuyết N phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006621 phiếu lập ngày 02/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND xã Vĩnh Thuận Đông;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thúy Ngoan